

# Bảng Dữ liệu Sản phẩm

## Corro-Coat PE-F Series 2191

<b>Mô tả sản phẩm</b>	Corro-Coat PE-F Series 2191 là một loại sơn bột chế tạo từ nhựa polyester TGIC-free bề mặt hoàn thiện kết cấu mịn bóng mờ rất bền, sử dụng ngoại thất, có công thức đặc biệt đáp ứng các yêu cầu về độ ổn định màu, độ bóng và chống ăn mòn. Corro-Coat PE-F Series 2191 cho dòng chảy và lớp hoàn thiện đồng đều, ngay cả sau khi sử dụng lại.								
<b>Phạm vi ứng dụng</b>	<p>Lĩnh vực ứng dụng chủ yếu là các sản phẩm nhôm ép đùn và mạ, dùng trong kiến trúc. Toàn bộ các tính chất tuyệt hảo và đáng về hấp dẫn của Corro-Coat PE-F Series 2191 khiến cho loại sơn này thích hợp để phun lên các sản phẩm bằng sắt, thép và kim loại màu.</p> <p>Khi dùng in lụa lên hay chất trét kín, nên thực hiện những thử nghiệm riêng rẽ để bảo đảm rằng sơn này thích hợp và đáp ứng được các tiêu chuẩn tính năng.</p>								
<b>Xử lý bề mặt</b>	<p>Chất lượng tổng thể của hệ sơn phụ thuộc chủ yếu vào loại và phẩm chất xử lý bề mặt. Sau đây là những cách xử lý đề nghị áp dụng cho những loại chất nền thông dụng nhất:</p> <table><tr><td>Nhôm</td><td>Chromate hóa</td></tr><tr><td>Thép</td><td>Phosphate kẽm</td></tr><tr><td>Thép tráng kẽm</td><td>Phosphate kẽm hoặc Chromate hóa</td></tr><tr><td>Rửa sạch lần cuối (đã khử ion)</td><td>Cần thử nghiệm lượng nước sau cùng chảy ra từ sản phẩm, ở 20°C. Kết quả đo được phải dưới 30µS/cm.</td></tr></table>	Nhôm	Chromate hóa	Thép	Phosphate kẽm	Thép tráng kẽm	Phosphate kẽm hoặc Chromate hóa	Rửa sạch lần cuối (đã khử ion)	Cần thử nghiệm lượng nước sau cùng chảy ra từ sản phẩm, ở 20°C. Kết quả đo được phải dưới 30µS/cm.
Nhôm	Chromate hóa								
Thép	Phosphate kẽm								
Thép tráng kẽm	Phosphate kẽm hoặc Chromate hóa								
Rửa sạch lần cuối (đã khử ion)	Cần thử nghiệm lượng nước sau cùng chảy ra từ sản phẩm, ở 20°C. Kết quả đo được phải dưới 30µS/cm.								
<b>Thời gian sấy</b>	20 phút, nhiệt độ sản phẩm 170°C 12 phút, nhiệt độ sản phẩm 180°C 8 phút, nhiệt độ sản phẩm 200°C								
<b>Lựa chọn màu sắc</b>	Corro-Coat PE-F Series 2191 có sẵn nhiều loại màu sắc sản xuất theo yêu cầu của khách hàng, và sản phẩm hoàn thiện cho kim loại, gồm cả RAL và NCS.								
<b>Phun sơn</b>	Corro-Coat PE-F Series 2191 phù hợp cho việc sử dụng với các thiết bị phun sơn bằng phương pháp Corona (nạp điện thế cao) và Tribo (tích điện bằng ma sát).								
<b>Bảo hành sản phẩm</b>	Corro-Coat PE-F Series 2191 được sự hỗ trợ của hệ thống bảo hành sản phẩm 10 năm cho các ứng dụng ngoại thất và hệ thống bảo hành 25 năm cho ứng dụng nội thất khi dùng trên các sản phẩm nhôm kiến trúc.								
<b>Điều kiện lưu kho</b>	Giữ ở nơi khô ráo và mát mẻ. Tối đa nhiệt độ 25°C Độ ẩm tương đối 60%. (Xin xem Phần 7 "Recommended Process and Process Control Requirements for Architectural Aluminum Alloys' Coating". Phần 2, "Quality and Warranty").								
<b>Bảo quản</b>	Xin tham khảo "Powder Coated Façades' Maintenance" trong Phần 3, "Quality and Warranty".								
<b>Phê chuẩn</b>	Xin hỏi đơn vị sản xuất của Jotun Powder Coatings tại địa phương bạn.								

## Thông tin kỹ thuật

Các thông tin kỹ thuật dưới đây là tiêu biểu cho Corro-Coat PE-F Series 2191 phun trên các tấm nhôm dày 0.8mm đã xử lý với chromate (độ dày màng phim 65 $\mu$ ). Các trị số tiêu biểu trong khi thử nghiệm, không nhất thiết là đã được sửa đổi trong thời gian gần đây.

Mô tả	Tiêu chuẩn	Series 2191
Độ bóng	EN ISO 2813 (60°)	12 $\pm$ 5
Độ bám dính	EN ISO 2409 (2mm)	Lực cắt chéo tiêu chuẩn Gt0 (bám dính 100%).
Độ bền va đập	ASTM D 2794 (5/8" ball)	Hơn 23 inch-pounds hoặc 2.5 Nm, màng phim không bị nứt.
Thử vuốt	EN ISO 1520	Độ sâu vết lõm hơn 5mm, màng phim không bị nứt.
Độ uốn	EN ISO 1519	Thử uốn hình trụ theo Mandrel, vượt đường kính Mandrel 5mm.
Độ cứng màng phim	EN ISO 2815	Độ bền khi bị lõm theo Buchholz: > 80.
Độ bền đối với vữa	ASTM C 207	Sau 24 giờ theo điều kiện qui định, vữa được loại bỏ khỏi lớp sơn dễ dàng mà không làm mất độ bám dính của sơn hoặc trầy xước bề mặt.
Thử bằng phương pháp khoan, cán, và cưa		Không làm bong vảy lớp sơn phủ.
Độ bền khi phun nước muối	ASTM B 117	Không phồng rộp, khoảng ăn mòn từ vết trầy lan tối đa 1mm sau 1000 giờ.
Độ bền trong không khí ẩm có chứa SO <sub>2</sub>	EN ISO 3231 (0.2 l SO <sub>2</sub> )	Không phồng rộp, khoảng ăn mòn từ vết trầy lan tối đa 1mm sau 30 chu trình.
Độ bền trong không khí ẩm	DIN 50017	Không phồng rộp, khoảng ăn mòn từ vết trầy lan tối đa 1mm sau 1000 giờ.
Độ bền đối với tia tử ngoại	ASTM G 154 (UVB-313)	Chu trình: 4 giờ trong tia tử ngoại ở 50°C, và 4 giờ ngưng tụ ở 40°C. Không hoá phần, duy trì độ bóng tuyệt hảo và ổn định màu sau 300 giờ thử nghiệm.
Thử phong hoá nhanh	ASTM G 154 (UVA-340)	Chu trình: 8 giờ trong tia tử ngoại ở 60°C, và 4 giờ ngưng tụ ở 45°C. Không hoá phần, duy trì độ bóng tuyệt hảo và ổn định màu sau 1000 giờ thử nghiệm.
Thử phong hoá trong điều kiện tự nhiên	ASTM G 7 (South Florida, 27°N)	Không hoá phần, duy trì độ bóng tuyệt hảo và ổn định màu sau 12 tháng phơi ngoài trời (góc 5° hướng Nam).